TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn và
tranh chấp xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ T gồm có:

T phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà

Các Hội T nhân dân:

1/ Ông Vũ Nam Hùng

2/ Bà Phan Thị Mai Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bình Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ T công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1890/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc "Tranh chấp ly hôn" và "Tranh chấp xác định cha cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1447/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Mỹ T, sinh năm 1995

CCCD số: 052195005330

Thường trú: Thôn A, xã B, tỉnh Gia Lai.

Cư trú: Số 622/6B đường X, phường Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phan Minh T1, sinh năm 1994

CCCD số: 079094029674

Thường trú: Số nhà 83/9 Đường Y, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phùng Đức G, sinh năm 1998

CCCD số: 079098033573

Cư trú: Số nhà 41/1 đường S, phường Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2024 và lời trình bày của bà Đỗ Mỹ T trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Minh T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PA, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 23/9/2023. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2024 thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vả, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Minh T1.

Về con chung: Căn cứ phiếu kết quả xét nghiệm AND của Viện sinh học phân tử LOCI thì bà cũng đồng ý xác định trẻ Phan Ngọc Minh C, sinh ngày 16/12/2023 là con của ông Phùng Đức G. Bà và ông Phan Minh T1 không có con chung.

Về tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có

Tại bản tự khai và lời trình bày của ông Phan Minh T1 trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án: Ông xác định quá trình kết hôn và chung sống đúng như bà T trình bày. Ông đồng ý ly hôn với bà T do bà T không chung thủy và có con với người khác.

Về con chung: Căn cứ phiếu kết quả xét nghiệm AND của Viện sinh học phân tử LOCI do Tòa án cung cấp thì ông xác định trẻ Phan Ngọc Minh C, sinh ngày 16/12/2023 không phải là con chung của ông và bà Đỗ Mỹ T mà là con của ông Phùng Đức G.

Về tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có

Tại bản tự khai và lời trình bày của ông Phùng Đức G trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án: Ông và bà Đỗ Mỹ T là đồng nghiệp, thời gian gần đây ông mới biết trẻ Phan Ngọc Minh C, sinh ngày 16/12/2023 là con của ông nên ông có nộp đơn yêu cầu độc lập yêu cầu xác định ông là cha của trẻ Phan Ngọc Minh C, sinh ngày 16/12/2023.

Tại phiên tòa bà Đỗ Mỹ T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Phan Minh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Phùng Đức G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của T phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đỗ Mỹ T được ly hôn ông Phan Minh T1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phùng Đức G xác định ông Phùng Đức G là cha của trẻ Phan Ngọc Minh C, sinh ngày 16/12/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được T tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn xin ly hôn của bà Đỗ Mỹ T thì quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Căn cứ đơn yêu cầu độc lập của ông Phùng Đức G yêu cầu xác định ông là cha của trẻ Phan Ngọc Minh C, sinh ngày 16/12/2023 thì quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp xác định cha cho con" được quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Tại thời điểm Toà án thụ lý vụ án, bị đơn có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ số nhà 83/9 Đường Y, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Xét, bà Đỗ Mỹ T là nguyên đơn, ông Phan Minh T1 là bị đơn, ông Phùng Đức G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: xét, bà Đỗ Mỹ T và ông Phan Minh T1 có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 117/2023 ngày 23/9/2023 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của bà T và ông T1 thì cuộc sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sự chung thủy nên thường

xuyên cãi vả, cả hai đã tách ra sống riêng, đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc bà T có đơn yêu cầu ly hôn được ông T1 đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Mỹ T và ông Phan Minh T1.

Về con chung: Căn cứ lời khai của bà Đỗ Mỹ T, ông Phan Minh T1, ông Phùng Đức G đều thừa nhận ông Phùng Đức G là cha của trẻ Phan Ngọc Minh C, sinh ngày 16/12/2023 (Giấy khai sinh số 43/2024 do Ủy ban nhân dân phường P A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/02/2024). Điều này phù hợp với phiếu kết quả xét nghiệm ADN ngày 04/7/2025 do Viện sinh học phân tử LOCI cung cấp "Phùng Đức G và Phan Ngọc Minh C có quan hệ huyết thống cha – con". Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy đủ căn cứ để xác định ông Phùng Đức G là cha của trẻ Phan Ngọc Minh C, sinh ngày 16/12/2023. Do đó, yêu cầu độc lập của ông Phùng Đức G là có căn cứ, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 89, Điều 91, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Bà Đỗ Mỹ T và ông Phan Minh T1 không có con chung.

Bà Đỗ Mỹ T, ông Phùng Đức G có quyền, trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành việc đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà Đỗ Mỹ T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình thì bà Đỗ Mỹ T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 75.000 đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P, số 0043163 ngày 23/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Hoàn trả cho bà Đỗ Mỹ T số tiền tạm ứng án phí còn dư 225.000 đ (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Ông Phan Minh T1 phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 75.000 đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng), nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc vè Hôn nhân và gia đình ông Phùng Đức G được miễn nộp án phí đối với yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Khoản 4 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 88, 90, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Mỹ T và ông Phan Minh T1.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Đức G. Xác định ông Phùng Đức G, sinh năm 1998, cư trú: số nhà 41/1 đường S, phường Z, Thành phố Hồ Chí Minh là cha đẻ của trẻ Phan Ngọc Minh C, sinh ngày 16/12/2023 (Giấy khai sinh số 43/2024 do Ủy ban nhân dân phường P A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/02/2024).

Bà Đỗ Mỹ T và ông Phan Minh T1 không có con chung.

Bà Đỗ Mỹ T, ông Phùng Đức G có quyền, trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành việc đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Đỗ Mỹ T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 75.000 đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P, số 0043163 ngày 23/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Hoàn trả cho bà Đỗ Mỹ T số tiền tạm ứng án phí còn dư 225.000 đ (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Ông Phan Minh T1 phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 75.000 đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng), nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phùng Đức G được miễn nộp án phí.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSNDKV2 – TPHCM;
- THADSTPHCM;
- Đương sự;
- UBND phường P, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Nguyên Hà